

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HSST
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Trần Quang Vinh
Ông Phan Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang, Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp (điểm cầu trung tâm) và P trại tạm giam khu vực T (điểm cầu thành phần) xét xử phiên tòa trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2026/TLST-HS ngày 02/3/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST-HS ngày 06/3/2026, đối với bị cáo:

Mai Văn T, sinh ngày 19/10/1972 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp A, xã A, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn T1 (chết) và bà Lê Thị P1; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 13 tháng theo Quyết định số: 09/QĐ-TA ngày 18/02/2021 của Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp); Tạm giữ: Không, tạm giam ngày 07/01/2026, bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T, có mặt (điểm cầu thành phần).

- Bị hại: Lê Hùng T2, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp C, xã A, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngô Thị Ngọc G, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Trần Văn P2, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 20/9/2025, Mai Văn T đi bộ từ nhà đến nhà của ông Lê Hùng T2, ngụ ấp C, xã A, tỉnh Đồng Tháp để hỏi mượn tiền. Khi đến nơi thì T được vợ của ông T2 chỉ ra trại heo để tìm ông T2. Do không có tiền tiêu xài nên khi thấy điện thoại để trên bàn phía ngoài gần chuồng heo không ai trông coi, T lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động để vào túi quần sọt bên phải rồi bỏ đi. Sau đó T lên nhà của Trần Văn P2 (là bạn của T), nói với P2 điện thoại là của người em mua cho không xài nên nhờ P2 bán dùm, khi được nhờ, P2 mang đến tiệm Đ thuộc khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp bán cho Ngô Thị Ngọc G với giá 1.400.000 đồng, P2 mang về đưa cho T, T lấy 400.000 đồng cho P2 (trong đó 200.000 đồng chạy lại chương trình, 50.000 đồng nạp card điện thoại và 150.000 đồng tiền đổ xăng) số tiền còn lại, T tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện điện thoại bị mất, ngày 21/9/2025, ông T2 đến Công an xã A trình báo sự việc, sau đó Công an xã A mời T đến làm việc, tại cơ quan công an T khai nhận hành vi phạm tội của mình.

- Vật chứng thu giữ và xử lý: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen xác định thuộc sở hữu của ông Lê Hùng T2, vì vậy Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho ông T2.

- Tại Bản Kết luận định giá số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 13/10/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong Tố tụng hình sự xã A, tỉnh Đồng Tháp, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen (đã qua sử dụng). Giá trị: 3.833.000 đồng.

- Bản cáo trạng số: 70/CT-VKSKV11 ngày 02/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp truy tố Mai Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về dân sự: Đã giải quyết xong.

- Về vật chứng: Đã giải quyết xong, cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho ông T2.

Đối với Trần Văn P2, Ngô Thị Ngọc G, Cơ quan điều tra đã chứng minh: do không biết điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen mà T nhờ P2 đem bán cho N là tài sản do trộm được mà có, nên không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

- Lời nói sau cùng của bị cáo, thống nhất tội danh và hình phạt theo Viện kiểm sát đã truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận vì muốn có tiền tiêu xài mà đi lấy trộm tài sản của người khác như nội dung Bản cáo trạng đã nêu. Xét thấy sự thừa nhận này của bị cáo là hoàn toàn phù hợp sự thật khách quan của vụ án và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, bị cáo thực hiện hành vi lấy trộm tài sản trị giá 3.833.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo mang tính nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, nên cần thiết phải xử lý để có tác dụng giáo dục, phòng ngừa và răn đe tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đồng thời bị cáo đã khắc phục hậu quả, trả lại số tiền bán điện thoại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản. Nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả và ý thức phạm tội của bị cáo, cần cách ly

bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Đã xử lý xong.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Mai Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Mai Văn T 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 07/01/2026).

- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

- Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Mai Văn T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 11 - Đồng Tháp;
- CSĐT CA tỉnh Đồng Tháp;
- THA HS CA tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Nghĩa